TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-01-2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Những

2. Ông Lý Quốc Trưởng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê T H, sinh năm 1974; Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Lê V D, sinh năm 1977; Địa chỉ: xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà Lê T H có mặt, ông Lê V D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê T H trình bày: Bà H và ông D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, sau đó có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 05-4-2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Lê T C L, sinh ngày 19-7-2010. Sau đó trong cuộc sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không quá nghiêm trọng, nguyên nhân là do ông D thường xuyên ăn nhậu và chửi bà H. Đến đầu năm 2021,vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng hơn, ông D ăn nhậu nhiều hơn, trong một lần mâu thuẫn vào Tết

nguyên đán năm 2021 ông D đã đánh đập bà H, do mâu thuẫn trầm trọng nên bà H và ông D đã ly thân từ tháng 08 năm 2021 cho đến nay.

Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê V D.

Về con chung: Sau khi ly thân, bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến nay. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H trình bày không có.

- *Ý kiến của bị đơn ông Lê V D:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê V D vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê T H và ông Lê V D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An vào ngày 05-4-2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là hợp pháp.

Nguyên đơn bà Lê T H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê V D cư trú tại xã B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê V D: Xét thấy ông Lê V D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lê V D.

[3] Về hôn nhân:

Tại phiên tòa, bà H xác định không còn tình cảm với ông D, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy ông D đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên có đủ căn cứ xác định ông D không quan tâm, không có thiện chí, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà H. Như vậy căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của bà H về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông D đã trầm trọng kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà H và ông D có 01 con chung tên Lê T C L, sinh ngày 19-7-2010. Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy bà H là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và con chung có giới tính là nữ, căn cứ văn bản ngày 25-11-2021 của cháu Lê T C L thể hiện có nguyện vọng sống với mẹ, do đó căn cứ nguyện vọng của con chung và để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, tránh thay đổi môi trường sống, môi trường học tập nên cần giữ nguyên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như hiện tại. Ngoài ra, ông D đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không nộp văn bản thể hiện ý kiến và yêu cầu tranh chấp nuôi con chung. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông D không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà H trình bày không có, ông D không nộp văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê T H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê V D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê T H đối với ông Lê V D.

- Về hôn nhân: Cho bà Lê T H ly hôn ông Lê V D.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê T C L, sinh ngày 19-7-2010 cho bà Lê T H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Bà Lê T H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010313 ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê T H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê V D có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã B;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Trọng